

2:40 AM, 14/11/2009

Bìa cuốn
sách "Tam
giác Trung
Quốc - Ca
mpuchia -
Việt
Nam".

LTS: Có thể nói, Uyn Phrét Bócsét (Wilfred Burchett) là một trong những nhà báo quốc tế nổi tiếng nhất, thân thuộc nhất đối với Việt Nam kể từ cuộc kháng chiến chống Pháp đến nay. Ông là người Ôxtrâyliá, gốc Anh, sinh năm 1911, mất năm 1983. Suốt nhiều thập kỷ, Bócsét đã bôn ba khắp Á - Âu, lăn lộn từ cuộc cách mạng này đến cuộc chiến tranh khác, đặc biệt gắn bó với chiến trường Việt Nam và chiến trường khu vực Đông Nam Á và Đông Dương.

Kể từ số báo này, Chuyên đề ANTG xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc chương "Một xã hội nô lệ thế kỷ XX" trích từ cuốn sách "Tam giác Trung Quốc - Campuchia - Việt Nam" của Uynphrét Bócsét, nơi ông vẽ nên một bức tranh sinh động và khắc họa sâu sắc cuộc sống của nhân dân Campuchia trong cái lò sát sinh mang nhãn hiệu Pôn Pốt - Iêng Xary từ năm 1975 đến 1979.

Sách do Nhà xuất bản Thông tin lý luận phát hành năm 1986. Đầu đề các kỳ báo do Chuyên đề ANTG đặt.

Sẽ chẳng bao giờ hiểu nổi đầy đủ tầm cỡ của những điều khủng khiếp do Khome Đỏ gây ra đối với nhân dân Campuchia. Chẳng bao giờ có thể đếm hay phân loại xuê hàng triệu bộ xương và đầu lâu vô danh dưới những hố chôn người và những nắm mồ tập thể. Đã có đầy đủ tư liệu để khẳng định rằng, ban lãnh đạo Khome Đỏ đã phạm phải những tội ác gần như có một không hai trong lịch sử đối với chính nhân dân của họ từ ngày 17/4/1975, khi các lực lượng Lon Non đầu hàng và họ lên nắm chính quyền cho đến ngày 7/1/1979, khi đến lượt họ bị đánh đổ.

Hồi những năm 60 của thế kỷ trước, tôi đã cùng gia đình sống ở Campuchia 4 năm. Vợ tôi dạy môn lịch sử nghệ thuật tại Trường đại học Mỹ thuật Phnôm Pênh, 3 con tôi học tại trường trung học. Lẽ dĩ nhiên, bạn bè của chúng tôi là trí thức, văn sĩ, nhà báo, giáo viên, giáo sư đại học, các nhà ngoại giao và cả những nhân vật có tầm cỡ về chính trị nữa. Những người này nằm trong số những mục tiêu đầu tiên của các đội tra tấn và hành quyết.

Nạn nhân đầu tiên là những ai đã từng du học ở nước ngoài hoặc biết tiếng nước ngoài, rồi dần dần, tiêu chuẩn bị giết mở rộng ra, gồm bất kỳ ai đeo kính hoặc biết đọc, biết viết. Trừ dăm ba người buông mình theo bọn cầm đầu Khome Đỏ, còn tất cả những người mà tôi biết trong suốt một phần tư thế kỷ quan hệ thường xuyên với nước Campuchia đều đã bị giết. Nhiều người chết chỉ sau những trận tra tấn dã man.

Mọi tội ác của bọn Quốc xã đều được Khome Đỏ lặp lại và lặp lại "có sáng tạo", phát minh thêm nhiều cái mới.

Hitle, Gorinh, Goben và những tên Quốc xã khác đều là những tên quỷ sứ, hiện thân của những gì được coi là tội cùng của "cái ác" trong thời đại chúng ta. Thế nhưng, tội ác của chúng vẫn chưa thấm thía vào đầu nếu đem so với những tội ác của Khome Đỏ do bọn Pôn Pốt, Iêng Xary và Khiêu Xămphon cầm đầu.

Hitle đã cố tiêu diệt người Do Thái, người Xlavor, người Digan và những người "không thuộc giống Ariăng" khác.

Còn Pôn Pốt thì quyết tâm tiêu diệt không chỉ người Việt, người Hoa, người Chăm theo đạo Hồi và các nhóm người thiểu số khác mà cả những người thuộc giống Khome của chính bản thân hắn nữa. Hitle bắt người từ Pháp,

Ba Lan và các nước khác về làm nô lệ và buộc họ làm việc đến chết trong các trại lao động. Còn ban lãnh đạo Khmer Đỏ thì lại biến cả đất nước của họ thành một trại tập trung khổng lồ.

Hitle đốt cháy và làm ô uế các giáo đường Do Thái, ngược đãi các nhóm tôn giáo. Còn Khmer đỏ thì lại đàn áp mọi hình thức lễ bái tôn giáo. Họ biến nhà chùa đạo Phật, nhà thờ đạo Hồi và nhà thờ đạo Thiên chúa thành các trung tâm tra tấn, thành chuồng lợn, thành kho chứa, hoặc đơn giản hơn, phá tan tành, biến chúng thành một đồng gạch nát. Hitle đốt sách của các nhà văn chống phát xít. Còn Pôn Pốt và bè lũ thì đốt tất cả sách vở và thư viện, chà đạp lên mọi di tích của truyền thống và nền văn hóa Campuchia. Hitle tìm cách dồn phụ nữ Đức trở lại vai trò của "bếp núc, nhà thờ và con cái". Còn Khmer Đỏ thì tách vợ khỏi chồng, cha mẹ khỏi con cái, và thủ tiêu hoàn toàn cuộc sống gia đình.

Có một số nhà tri thức cánh tả, quen ngồi ghế bành ở phương Tây không muốn tin vào tất thảy những chuyện đã xảy ra này. Họ bênh vực chính quyền Khmer Đỏ, coi đó là một "Cuộc thí nghiệm xã hội" có thể biện minh được. Việc họ chối từ thực tế không thể đứng vững nổi trước lời minh chứng áp đảo của những ai đã thực sự tới Campuchia, kể cả những đại diện của các cơ quan cứu trợ quốc tế - những người phải đụng chạm với phần còn sót lại ấy của xã hội Campuchia.

Càng ngày người ta càng biết rõ hơn về những nỗi khủng khiếp đã diễn ra ở Campuchia. Những thực tế sáng rõ đã được làm nổi bật hẳn lên nhờ chính tầm cỡ của những nỗ lực quốc tế nhằm hàn gắn những vết tàn phá trên mọi mặt của xã hội Campuchia. Mỗi công dân Khmer thật sự vừa là nạn nhân, vừa là nhân chứng.

Không có người nào đã tiến hành công tác điều tra tại chỗ lại có thể hoài nghi về những gì đã xảy ra. Nhưng điều còn chưa sáng tỏ là những thực tế ấy đã xảy ra như thế nào và vì sao lại thế. Hiển nhiên, là việc tìm ra câu trả lời có tầm quan trọng then chốt. Các học giả, văn sĩ, nhà báo và những người làm phim hiện đang làm việc. Còn giữa chúng ta với nhau, chúng ta có thể rọi một luồng ánh sáng nào đó để xem xét một trong những sự kiện đen tối nhất trong thời đại chúng ta đã xảy ra như thế nào, và vì sao như vậy. Những chương tiếp theo trong cuốn sách này chính là sự đóng góp của tôi vào quá trình soi rọi luồng ánh sáng đó.

Ở nước Campuchia của Khmer Đỏ mọi thứ đều được thực hiện nhân danh Ăngka. "Ăngka cần đến đồng chí", tên đội trưởng đội hành quyết sẽ nói vậy khi hấn đến vào lúc nửa đêm để lôi nạn nhân đi giết". Ăngka đề nghị đồng chí cho mượn chiếc đồng hồ", "Ăngka sẽ cấp cho" "Ăngka muốn làm cho các đồng chí trở thành những người cách mạng thực sự". Dưới cái vỏ bọc của những lời lẽ có vẻ cách mạng, bè lũ Pôn Pốt - Iêng Xary đã áp đặt lên nhân dân Campuchia một hệ thống biến họ thành nô lệ và thi hành quyền lực của chúng đối với họ trên cơ sở của sự khủng

Mặc dù người ta chưa nhất trí được với nhau về cái nhãn hiệu thể hiện hệ tư tưởng cho cái xã hội này, nhưng rõ ràng là, những định nghĩa kinh điển trong các từ điển về khái niệm nô lệ đã mô tả một cách hoàn hảo thân phận những công dân Campuchia bình thường dưới ách Khmer Đỏ. Dù rằng quả là họ không bị mua đi bán lại, vì chẳng có tiền tệ cũng không có hệ thống giá trị trao đổi - thì dưới thời Khmer Đỏ, người dân Campuchia cũng không được lựa chọn công ăn việc làm, không thể thay đổi nơi làm việc, không có quyền tự do đi lại bất kỳ đâu. Cuộc sống của họ không có gì khác ngoài việc phải lao động từ 12 đến 14 giờ một ngày, 7 ngày một tuần, không được trả lương, chỉ được 1 suất ăn chết đói mà họ không thể tùy ý sử dụng.

Bất kỳ công dân nào cũng có thể bị bắt đi và bị nện vào đầu cho đến chết, mà chẳng được biết là đã phạm tội gì hoặc chẳng được ai bào chữa. Họ hàng gia đình không được phản đối hoặc đòi bồi thường gì cả, vì những chuyện đó sẽ dẫn đến cái chết chắc chắn cho bất kỳ ai dám phản đối, hoặc thậm chí phê phán chính quyền bằng việc khóc thương vợ, chồng hoặc con cái bị giết.

Nếu như trước kia, chỉ những tù binh người nước ngoài - người Thái, người Lào, người Chăm và các dân tộc khác

- bị đẩy vào cảnh nô lệ trên đất nước Campuchia, thì một trong những nét độc đáo của xã hội Khmer Đỏ là Pôn Pốt đã nô dịch chính dân tộc của hắn. Lúc đầu thân phận nô lệ được quy cho những ai không có mặt trong những vùng Khmer Đỏ kiểm soát vào thời điểm "giải phóng" ngày 17/4/1975. Nhưng chẳng bao lâu sau, thân phận này được quy cho toàn thể dân tộc, trừ giới lãnh đạo có đặc quyền.

Danh chính ngôn thuận mà nói, đó là một cuộc đấu tranh sống chết giữa dân nông thôn và dân thành thị, diễn ra trong khi vũ khí trấn áp nằm gọn trong tay dân nông thôn và những tên Khmer Đỏ "bảo hộ" của họ. Giới lãnh đạo Khmer Đỏ hoàn toàn xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản và tư sản có sở hữu tài sản, và một số trường hợp có liên quan với giai cấp phong kiến. Đại đa số những người bị giết hoặc bị cố tình bỏ cho chết vì bị đói khát và bệnh tật vốn là những tiểu nông, ngư dân, công nhân và những người có học thuộc những thành phần xuất thân khác nhau, nhưng hầu hết là xuất thân trong tầng lớp nghèo khổ. Làm sao có thể nói khác được khi mà số người chết trong chưa đầy 4 năm trời là từ 2 đến 3 triệu?

Sau "giải phóng", Ăngka Lơ cho truyền đạt xuống một chỉ thị chính thức hướng dẫn bọn thừa hành ở các địa phương về chính sách đối với những người bị lưu đày - số người này chiếm tới 2/3 dân số - diễn đạt dưới hình thức một khẩu hiệu: "Giữ chúng - không lãng phí! Giết chúng - không lãng phí!". Giáo sư Keng Vannxác, cựu chủ nhiệm khoa Văn chương, Trường đại học Phnôm Pênh, một trong những nhà mácxít xuất sắc của Campuchia và là người đã diu dắt ở Pari một số lãnh tụ tương lai của Khmer Đỏ, đã giải thích cho tôi rằng, những từ Khmer CAMNENH (nghĩa là LÃI) và KHAT (nghĩa là LỖ) viết trong cái chỉ thị - khẩu hiệu ở trên không phải là những thuật ngữ trừu tượng hay triết học gì, chúng thể hiện những giá trị vật chất và thương mại như vẫn được sử dụng trong công tác kế toán thông thường.

"Con người bị hạ xuống thành đối tượng của lãi và lỗ. Những người nào có khả năng thoát khỏi bàn tay của các đơn vị hành quyết, thoát khỏi lao động cưỡng bức, cảnh thiếu thốn thuốc men, thoát khỏi bệnh tật, đói khát sẽ trở thành những vật có lãi. Nếu không, họ sẽ bị giết chết - và cái chết của họ cũng chẳng gây ra chút lỗ nào".

Keng Vannxác cũng chỉ ra rằng, trong thực tế, Ăngka là "một bộ máy đàn áp và khủng bố khổng lồ như một thứ hỗn chất gồm Đảng, Chính phủ và Nhà nước, không phải hiểu theo nghĩa thông thường của những từ này, mà đặc biệt nhấn mạnh vào đặc tính thần bí, khủng khiếp và tàn nhẫn của nó. Theo một cách hiểu nào đó, nó là một quyền lực chính trị, siêu hình, vô danh, có mặt ở khắp mọi nơi, là thượng đế huyền bí, gieo rắc cái chết và sự khủng bố nhân danh chính nó". Vì mọi cán bộ Khmer Đỏ đều có thể đương nhiên hành động nhân danh Ăngka, nên gã ta (hoặc mụ ta) được miễn giải bất kỳ ý thức trách nhiệm cá nhân nào khi phạm tội giết chóc hoặc tra tấn nhân danh Ăngka. Tại phiên tòa xét xử tội diệt chủng tổ chức ở Phnôm Pênh tháng 8/1979, Đít Munty, một giáo viên trung học đã thoát chết nhờ thành công trong việc không để lộ ra việc mình là một "trí thức" đã đưa một trong những bản mô tả lý thú và thấu triệt nhất về việc Ăngka đã nô dịch nhân dân Campuchia như thế nào.

"Ăngka là hiện thân của một quyền lực quân phiệt và chuyên chế tuyệt đối nằm trong tay Khmer Đỏ. Nó có quyền sinh, quyền sát đối với mọi người. Để gieo rắc sự bất đồng giữa người thành thị và người nông thôn, Ăngka chia mọi người thành 3 loại: dân cũ, dân mới và kẻ thù. Loại thứ nhất bao gồm những người sống trong vùng giải phóng hoặc trong những khu vực đã đi theo Khmer Đỏ trước khi chính quyền Lon Non sụp đổ.

Loại thứ hai bao gồm những người bị lưu đày khỏi Phnôm Pênh và các nơi khác. Những người này bị coi như nô lệ. Họ phải chịu mọi thứ nhục hình của dân "cũ". Dân "cũ" có nhiều quyền hành và ân huệ hơn dân "mới". Chính dân "mới" là người phải làm tất cả những công việc nặng nhọc.

Suốt 6 tháng trong một năm, Ăngka bắt họ phải đắp đê, đào mương máng. Mỗi ngày họ phải làm việc 13 tiếng, từ 3h sáng đến 10h30'; từ 13h30' đến 17h30' và từ 19h đến 21h để đòi lấy 150 gam gạo mỗi người; và ngày nào cũng vậy. Đối với họ, không hề có ngày nghỉ, ngay cả khi ốm, họ cũng không có quyền nghỉ ngơi. Bị cái chết đe dọa, họ phải liên tục làm việc cả ngày lẫn đêm, dưới cả mưa lẫn nắng. Loại thứ ba, bao gồm những nhân viên quân sự và dân sự của chính quyền cũ, toàn bộ trí thức, học sinh và sinh viên từ lớp 7 trở lên. Tất cả những người này đều phải bị giết bởi lẽ họ là kẻ thù.

Lược trích "Tam giác Trung Quốc - Campuchia - Việt Nam"

Linh Khorme Đỏ trên đường phố.

Đất đai khô cằn, điều kiện sống chật vật, thuốc men thiếu thốn. Nhiều người đã chết vì đói. Ở công xã Xăng cát Xamôrich, mỗi ngày có từ 4 đến 6 người chết. Mọi người ở đây ốm yếu đến nỗi có lúc họ không còn sức để chôn người chết nữa, vì thế họ đã chắt xác chết lên xe bò và bỏ lại trong rừng.

Trong số các nạn nhân, có mẹ của Đít Munty. Bằng việc tả lại cái chết của bà, anh đã trình bày một cách hùng hồn, điều chắc chắn là số mệnh của hàng trăm ngàn đồng bào của mình: chết đói ngay trên mảnh đất vốn đã từng là một trong những vùng xuất khẩu lúa gạo hàng đầu ở châu Á.

“Mẹ tôi cũng bị chết đói. Bà là một phụ nữ dịu hiền, khiêm tốn và dễ thương. Bà mới 45 tuổi, nhưng bị tiêu tụy bởi tâm trạng đau buồn, bởi lao động cường bức, bởi suy dinh dưỡng và thiếu thuốc men, trông bà như một cụ già 80 tuổi. Tôi bị đưa đi đắp đê ở xa trong 5 tháng trời, và khi tôi trở về, mẹ tôi đang hấp hối. Bà kêu: “Cho mẹ chút gì để ăn đi. Mẹ chết đói mất thôi”. Liều thân, tôi lao bừa đi và cũng kiếm được một bát cơm. Bất hạnh thay, mẹ tôi không thể nuốt nổi nữa. Giọng bà nhỏ dần, đến khi lịm đi. Vừa khóc lóc, tôi vừa khẽ lay người bà và hỏi xem bà còn nhận ra tôi nữa không. Bà mở mắt, nhìn tôi, chớp chớp mắt ra điều nhận ra tôi – rồi chết”.

Lời chứng có tính thực tiễn, phân tích đầy xúc động của Đít Munty nằm trong số những lời chứng quan trọng nhất đã được trình bày tại phiên tòa xử tội diệt chủng. Đối với tôi, đó là sự tổng hợp của tất cả những gì tôi đã phát hiện ra từ thực tế hàng trăm cuộc phỏng vấn, lúc đầu với những người tị nạn, rồi về sau với những “người trên đường” và những người cuối cùng đã trở về được làng quê mình hoặc nhà mình ở Phnôm Pênh.

Rõ ràng là một người quan sát sắc sảo có một trí nhớ tốt và một ý thức cân đối về giá trị con người, Đít Munty đã mô tả cuộc sống dưới thời Khorme Đỏ; đó là một trong những bản cáo trạng có hiệu quả nhất đối với chế độ này, và chẳng cần nói ra, đối với những ai – đặc biệt là những trí thức Tây phương – đã trở thành những kẻ biện hộ cho cái chế độ ấy. Trong lời chứng của anh, không có một câu chữ nào lại không được sự xác nhận của những người đã từng sống dưới ách Ăngka, trong cái xã hội mà Iêng Xary đã huênh hoang là “điều chưa từng có trong lịch sử”. Với câu này, người ta có thể hết sức sốt sắng nói thêm: “Và có lẽ chẳng bao giờ có lại nữa”.

“Chúng tôi được ăn uống rất tồi, ăn mặc rách rưới và bị giáng xuống thành nô lệ. Quyền con người bị chà đạp, quyền được ăn uống với gia đình và quyền tự do hôn nhân bị thay thế bằng “ăn tập thể” và hôn nhân cưỡng bức mỗi lần từ 30 đến 50 hoặc 60 cặp. Chúng tôi, những người “không ai cần đến”, không có quyền trở về quê hương và tái lập hạnh phúc và cuộc sống gia đình. Quyền cư trú, tự do đi lại trong nước, quyền tự do chính kiến, hội họp, tín ngưỡng, quyền làm việc, nghỉ ngơi hoặc học hành đều bị cấm đoán hoàn toàn.

Mọi công dân không được “tự do bình đẳng” một khi hầu hết mọi người bị giam cầm bằng vũ lực trong hợp tác xã và chết gục vì đói, trong khi Khorme Đỏ, đại diện Ăngka, có thể đi lại tự do và ngồi mát ăn bát vàng. Chúng đã thật sự phá hủy mọi cơ sở giáo dục, buộc trẻ em từ bỏ việc học hành. Trẻ em từ 13 đến 14 tuổi bị cưỡng bức tòng quân, còn các em từ 6 đến 12 tuổi thì chăn trâu bò và đi nhặt phân roi.

Khorme Đỏ phi nhổ tất cả truyền thống, luân lý và tập quán của dân tộc. Chúng phá hủy chùa chiền, đền miếu hoặc biến những nơi này thành nhà tù, buộc các nhà sư phải bỏ áo cà sa.

Ăngka muốn phát triển nông nghiệp, nhưng chúng lại giết hết cán bộ kỹ thuật và cán bộ nông học; trong khi đó chúng phải đóng cửa hết nhà máy này đến nhà máy khác do thiếu nguyên liệu và công nhân.

Không có tiền tệ, cũng chẳng có chợ búa. Ăngka thực hiện một thứ “kinh tế đóng cửa”.

Nếu ở Campuchia đã xảy ra nạn đói, thì đó chẳng phải là do mất mùa. Sản lượng lúa vẫn cao, nhưng hoặc bị đưa vào kho dự trữ dùng cho quân đội, hoặc bị xuất khẩu. Lúa gạo, cùng gỗ, da cá sấu, cá khô và cá xông khói, hồng ngọc, xiricon, các loại đá quý khác, và một ít cao su, là những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Campuchia; dùng để đổi lấy số vũ khí mà bè lũ Pôn Pốt – Iêng Xary nhập.

Đít Munty trình bày tiếp:

“Các cuộc hành quyết thường xuyên xảy ra. Đêm nào cũng vậy, 2 hoặc 3 người dân “mới” bị triệu đi “họp” và biến mất không để lại chút vết tích. Không ai dám hỏi han gì về số mệnh của những người bất hạnh này; thân nhân cũng không dám khóc, vì sợ bị kết tội là “đồng lõa”. Nếu có ai đó bị gọi đi vào một thời điểm không bình thường – nhất là vào ban đêm – người đó chắc sẽ bị giết. Chúng tôi sống trong nỗi lo sợ bất tận, như cá trong chậu, chẳng biết bao giờ sẽ đến lượt mình bị giết. Để thoát chết, người ta phải hết sức thận trọng. Không ai dám tin ai, bởi mật thám trà trộn giữa chúng tôi. Khome Đồ đã lập nên một hệ thống do thám rất có hiệu quả – những đứa trẻ từ 6 đến 8 tuổi phải làm mật thám đối với cả cha mẹ chúng.

Các xã trưởng, được coi là cán bộ, được tuyển chọn trong số những người ít học nhất, và để duy trì quyền lực của mình, chúng có thừa nhiệt huyết. Công lý luôn sẵn sàng ra tay. Bất kỳ ai không may làm vỡ một chiếc đĩa cũng sẽ có thể bị gán cho là tay chân của CIA và KGB hoặc của Việt Nam.

Cuộc thảm sát lớn nhất nổ ra tháng 6/1977. Bạn Xeng Meng Téch của tôi là nạn nhân đầu tiên. Anh ấy vừa cùng gia đình bắt đầu ăn cơm trưa thì hai tên địa phương quân bước vào. Chúng bắt anh đi và đánh anh ấy đến chết dưới gốc một cây thốt nốt cách nhà một cây số. “Tội” duy nhất của anh ấy là đeo một cặp mắt kính dày!

Tháng 6/1977, đánh dấu sự khởi đầu của một làn sóng thần những cuộc hành quyết ở các tỉnh. Những đoàn xe bò, làm người ta nhớ lại những đoàn xe chở tù nhân ra máy chém hồi cách mạng Pháp lọc cọc lăn bánh tới pháp trường, lèn chặt những nạn nhân vô tội.

“Suốt thời kỳ này, người ta phổ biến bằng miệng ở khắp nơi chỉ thị rằng “vì thiếu đất trồng” Angka đang cho xây dựng hàng trăm ngôi nhà kiểu mẫu ở nơi khác cho “dân mới” tại những vùng nhiều đất trồng. Tối tối, người ta tập trung các gia đình lại để chuyển đến nơi mới. Những đoàn xe trâu bò kéo và một con thuyền được dùng để chở những gia đình bất hạnh này tới những “làng mới”. Từ nơi ấy, chẳng có ai trở lại bao giờ.

Chỉ riêng ở làng tôi, 36 gia đình với tổng số 202 người, đàn bà, người già, trẻ nhỏ, đã bị đưa đi bằng những đoàn xe như vậy, và từ đó đến nay vẫn biệt tăm. Tôi tin chắc rằng sẽ đến lượt mình – bị Angka đưa đi đến đó, nơi chưa có ai trở lại. Đêm nào cũng vậy, chúng tôi trông chừng chiếc thuyền và đoàn xe tới, và chúng tôi không thể nào ngủ nổi cho tới tận khi âm thanh ghê rợn của chúng xa dần khỏi làng. “Thế là lại thêm một lần thoát chết”, vợ tôi thì

Chúng tôi sống trong tình trạng luôn luôn sợ hãi, vợ chồng tôi đã kiếm được và luôn thủ trong túi vài chục hạt quả độc có chứa độc tố stricnin. Nếu bị triệu đi chúng tôi sẽ tự đầu độc mình. Đó là cách duy nhất để khỏi phải chịu đau khổ hơn nữa. Tất cả những người dân “mới” do xe bò và thuyền chở đi đều bị đưa tới trường Staung – ngôi trường này đã bị biến thành một trung tâm tù đầy và tra tấn. Tới đó, mọi dấu vết của những người bất hạnh này đều biến mất. Những cuộc giết chóc đều theo một mẫu có sẵn. Đầu tiên là những nhân viên quân đội và cảnh sát, rồi tới nhân viên dân sự, trí thức, nhân viên kỹ thuật, bác sĩ, giáo viên và giáo sư, tiếp đến là sinh viên và học sinh.

Đít Munty đã giấu được nghề nghiệp và nguồn gốc giai cấp của mình, bị đưa làm đủ kiểu lao động chân tay: “đốn gỗ, đánh cá, trồng rau, trộn phân”. Lời chứng của anh kết thúc bằng một thông báo não lòng là sau khi chế độ Pôn Pốt bị lật đổ, (thời gian đó, anh bị đưa đến một “đội đánh cá” ở Tòngle Sáp, tức “Hồ lớn”, anh trở lại xã Staung và thấy nơi đó lạnh tanh như sa mạc.

Pin Yathay, tác giả của cuốn sách sơn gai ốc nhan đề L’UTOPIE MEURTRIÈRE (Cõi không tưởng chết chóc), đã dùng những gì bản thân và gia đình mình đã trải qua để cho thấy Khome Đồ đánh giá “tiền bộ” về mặt tư tưởng như thế nào. Trong vòng chưa đầy một năm sau khi cùng gia đình bị lưu đầy khỏi Phnôm Pênh, ông đã mất 19 trong số 23 người ruột thịt của ông do bệnh tật và đói. Tại cái “họp tác xã” mà gia đình ông được phân tới ở Đôn Êy, thuộc tỉnh Puốcxát, Pin Yathay đã tới ngưỡng cửa của tử thần sau một trận sốt rét khủng khiếp, tiếp đó một vết thương nhiễm trùng rất nặng ở chân, và cũng bị Pin Yathay cho hắn xem vết thương đã nhiễm trùng và van xin hắn cho phép con trai ông được nghỉ một hai ngày chờ cho vết thương lành.

Cậu bé Xadát bị lôi đi, và 5 ngày sau thì chết. Pin Yathay lại bị trách mắng thêm nữa vì đã xin mà chẳng được nhìn xác con.

Một lần khác, Pin Yathay bị bắt khi đang đưa đồ uống cho bà vợ góa của một người bạn từ ngày còn ở Phnôm Pênh, sau khi chồng và hầu hết gia đình bà đã chết ở Đôn Êy. Bà ta yếu đến nỗi không thể lê bước nổi khỏi giường vì thế Pin Yathay cùng vợ là Any cố hết cách giúp bà. “Giúp đỡ bà ấy không phải là nhiệm vụ của các đồng chí”, tên Khome Đồ lên tiếng và ngăn ông lại. “Việc làm này chỉ chứng tỏ rằng các đồng chí vẫn chưa gột rửa sạch những tình cảm trắc ẩn, bạn bè. Các đồng chí phải thanh toán những thứ tình cảm như vậy và những xu hướng cá

nhân chủ nghĩa “đi”. Còn bây giờ thì hãy quay về!”. Hai ngày sau, người đàn bà ấy - nguyên là một viên chức của Ngân hàng Thương mại Khorme ở Phnôm Pênh - qua đời. Hai đứa con của bà bị đưa đi biệt tăm.

Một trong những cuộc thuyền chuyển thường xuyên xảy ra trong năm đầu lưu đày - gia đình Pin Yathay cùng những người khác sống cùng làng bị đưa tới Xrama Liép thuộc tỉnh Tàkeo, nam Phnôm Pênh. Cuộc thuyền chuyển này được công bố một cách dối trá là để đưa dân về quê cũ. Đến khi họ vừa dỡ đồ đạc từ trên xe bò xuống, tên trùm Khorme Đò ở địa phương cho họ biết ngay rằng chuyển đi tiếp về quê đã bị hoãn lại. Khi đó là cao điểm của thời vụ nông nghiệp tháng 7/1975 và họ sẽ ở lại Xrama Liép cho tới khi trồng cấy xong đã.

“Tất nhiên, Ăngka sẽ lo cho việc ăn ở của các đồng chí. Ăngka sẽ chăm lo mọi thứ. Về phần mình, các đồng chí phải tôn trọng kỷ luật, trật tự. Các đồng chí phải cố gắng tự làm trong sạch mình”.

Chủ đề thử thách và làm trong sạch cứ lặp đi lặp lại trong những bài giảng dạy tẻ ngắt của Khorme Đò (Pin Yathay trình bày). Gã hùng biện lớn tiếng thuyết trình cuốn kinh thánh về những ước vọng của Ăngka đối với chúng tôi.

Lời lẽ tuôn chảy của hắn tăng bốc lên tận mây xanh việc cải tạo con người: “Ăngka muốn làm các đồng chí trở thành những người cách mạng chân chính”...

Những từ “đáp ứng nhu cầu của bản thân mình” chính là một phần trong một tổng thể những lời nói láo. Chẳng bao giờ những người lao động nô dịch được sử dụng những gì họ làm ra. Sản phẩm họ làm ra được chất vào những kho chứa của công xã, rồi từ đó lại đi đâu nữa thì ai mà biết được! Tôi chưa hề biết đến một trường hợp về sự liên quan giữa những gì được làm ra và được sử dụng của các thành viên các “hợp tác xã” hoặc “công xã”. Hình phạt đối với hành động tìm cách chiếm dụng thành quả lao động của chính mình tất yếu là việc bị đưa ra tố giác trước công chúng rồi bị giết một cách khủng khiếp.

Tuyển cử được coi là đã tiến hành hồi tháng 3/1976. Khi trình trọng công bố “kết quả”, ban lãnh đạo Khorme Đò cho hay dân số Campuchia khi đó là xấp xỉ 7-8 triệu người, trong đó nói rõ số “cử tri đã được đăng ký” và tỷ lệ người đã đi bỏ phiếu. Tôi chưa hề gặp được người nào đã từng tham gia vào cuộc tuyển cử này. Về cuộc tuyển cử đó, Pin Yathay viết:

“Chúng tôi trông chờ được người ta hỏi ý kiến, vô ích! Ở vùng tôi, không ai tham gia tuyển cử. Ở một số xã, người ta chỉ đưa ra một ứng cử viên duy nhất... Kết quả tuyển cử được công bố trong một bầu không khí chung thờ ơ, lãnh đạm...”.

Lược trích "Tam giác Trung Quốc - Campuchia - Việt Nam"

<http://antg.cand.com.vn/vi-VN/tulieu/2009/11/70916.cand>